

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 9

Văn bản: **ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

(Huy Cận)

I. Đọc - hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Huy Cận (1919-2005), quê Hà Tĩnh

- Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam

2. Tác phẩm:

- *Hoàn cảnh sáng tác*: viết năm 1958, khi tác giả đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh, in trong tập “*Trời mỗi ngày lại sáng*”

- *Cảm hứng bao trùm bài thơ*: cảm hứng về thiên nhiên, vũ trụ; về con người lao động mới trong công cuộc xây dựng Tổ quốc.

II. Đọc - hiểu bản:

1. Cảnh đoàn thuyền ra khơi:

- *Thiên nhiên*:

+ Mặt trời *như* hòn lửa

+ Sóng đã cài then

+ Đêm sập cửa

* So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, liên tưởng tương tượng.

=> *Cảnh biển vào đêm rất đẹp và độc đáo - báo hiệu thời gian nghỉ ngơi*

- *Con người*:

“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi”.

-> *Bắt đầu làm việc, hào hứng, hăm hở, phấn chấn*

=> **Chinh phục thiên nhiên, làm chủ thiên nhiên**

2. Cảnh đánh cá trên biển:

- Hình ảnh con thuyền:

+ Lái gió với buồm trắng

+ Lướt giữa mây cao với biển bằng

+ Ra đậu dặm xa dò bụng biển

+ Dàn đan thế trận

* *So sánh, liệt kê, nhân hóa:*

-> *Con thuyền trở nên kỳ vĩ, khổng lồ, hòa nhập vào vũ trụ bao la*

- **Biển** : Biển đẹp, giàu có, phong phú

+ Cá thu - như đoàn thoi - dật muông luồng sóng.

+ Cá song - lấp lánh đuốc.

+ Cái đuôi em - quẫy trắng vàng choé.

+ Vẩy bạc ... loé rang đông.

+ Mắt cá ... dậm phơi.

**Liên tưởng, tưởng tượng.*

-> *Vẻ đẹp của tranh sơn mài lung linh, huyền ảo liên tưởng, tưởng tượng.*

- Hình ảnh con người:

+ “ra đậu dặm xa”-> *chủ động*

+ “dàn đan thế trận”-> *đàn hoàng*

+ “ta hát bài ca gọi cá vào”:->*phấn khởi, say mê, hào hứng với công việc*

+ “ta kéo xoăn tay”-> *lao động khẩn trương - nhận thành quả xứng đáng “chùm cá nặng”*

-> Con người với niềm say sưa, hao hứng, ước mơ bay bổng

=>Chinh phục thiên nhiên.

3. Cảnh đoàn thuyền trở về:

- Trở về trong bình minh, họ hoàn thành công việc trong tiếng hát và thuyền đầy ắp cá.

- Thành quả lao động thật chói lọi, tung bừng “mắt cá huy hoàng”

III. Ghi nhớ : (SGK/142)

IV. Luyện tập: Học thuộc lòng khổ 3, 4, 5.

Văn bản: **BẾP LỬA**

(Bằng Việt)

I. Đọc - hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Bằng Việt tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng, sinh 1941, quê Thạch Thất – Hà Nội

- Là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ

- Giọng thơ trầm lắng suy tư, mượt mà trong sáng.

2. Tác phẩm:

- *Hoàn cảnh sáng tác:* Sáng tác 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở Liên Xô

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. Hình ảnh bếp:

- Một bếp lửa:

+ chõn vòn:

+ ấp iu:

* Từ láy tượng hình, điệp ngữ

-> Bếp lửa gần gũi, thân quen.

+ “Cháu thương bà **biết mấy nắng mưa**”

* Ấn dụ

-> Sự lam lũ, vất vả của bà - người nhóm lửa

=> **Bếp lửa khơi nguồn nỗi nhớ, kỉ niệm về bà.**

2. Bếp lửa - gợi kỉ niệm:

* **Năm bốn tuổi:**

- Quen mùi khói, khói hun nhèm

- Năm đói mòn đói mỏi.

- Bố đánh xe, khô rạc

*Hình ảnh thật, từ gợi tả

-> Gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn

* **Tám năm ở cùng bà:**

- Cùng bà *nhóm lửa*

- Bà kể, dạy, bảo, chăm

* Liệt kê

-> *Tận tụy, che chở, yêu thương, chỗ dựa tinh thần*

- Tiếng tu hú tha thiết: *gần gũi, quen thuộc, trở dậy những kỉ niệm*

* **Năm giặc đốt làng:**

- Bà vững lòng - dặn cháu *đình ninh*

-> *Tin vào kháng chiến, hậu phương vững chắc*

- Cháu: kính trọng, cảm phục, biết ơn

=> **Tình bà cháu sâu nặng, thăm thiết**

- Sớm, chiều, bà nhen lửa

-> *Tần tảo, chịu khó*

* Động từ: nhen, ủ, chứa

* Điệp ngữ, ẩn dụ "**Ngọn lửa**"

-> Biểu tượng

.Kỉ niệm, tình yêu, hi sinh

.Niềm tin

.ý chí, bản lĩnh sống

3. Suy ngẫm về bà và bếp lửa:

- **Cuộc đời bà:**

- "lận đận"

- "nắng mưa"

- Mấy chục năm

* Ẩn dụ, từ láy, đảo ngữ

-> *Gian truân, vất vả*

- **Tấm lòng bà:**

- "Nhóm bếp lửa"

. bếp lửa - *nghĩa gốc*

. niềm yêu thương

. sự sẻ chia

. tâm tình-> nghĩa chuyển: khơi dậy tình cảm, ước mơ

* Điệp ngữ, liệt kê

=> Bà người nhóm lửa, giữ lửa, truyền lửa,

- Bếp lửa

+ Cụ thể

+ Biểu tượng

. Tình yêu thương, tấm lòng của bà

. Sức sống niềm tin

. Gia đình, quê hương, đất nước

-> **Bếp lửa: thiêng liêng, kì lạ**

-> **Bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa**

4. Bếp lửa - khơi nguồn nỗi nhớ thương:

- Hoàn cảnh: đi xa

- Cuộc sống đầy đủ, có nhiều niềm vui, trưởng thành

- Tình cảm:

+ Không quên ánh sáng, hơi ấm bếp lửa của bà

+ Không quên bà và tình bà

III. Ghi nhớ : (SGK/146)

LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ NGHỊ LUẬN

I. Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong đoạn văn tự sự :

***Đọc, nhận xét đoạn văn:** (SGK/160)

- **Yếu tố nghị luận:**

+ “Những điều viết lên cát sẽ mau chóng...trong lòng người”.

+ “Vậy mỗi chúng ta... ghi những ân nghĩa lên đá”.

- **Vai trò:** Làm cho câu chuyện sâu sắc, giàu tính triết lý giàu tính giáo dục cao.

- **Bài học:** Sự bao dung, lòng nhân ái, biết tha thứ và ghi nhớ ân nghĩa, ân tình.

II. Thực hành viết đoạn văn tự sự có yếu tố nghị luận:

Bài 1: Viết đoạn văn kể lại buổi sinh hoạt lớp ...

